

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

T. Hoàng

Môn học: Phiên dịch (22433501)

Ngày thi: 08/05/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123240055	Nguyễn Thị Như Ái	20/10/2005	CCQ2324B	1		8,0	5,3	6,4	
2	2123240035	Nguyễn Trương Ngọc Quỳnh Anh	25/09/2005	CCQ2324B	1		9,5	9,4	9,4	
3	2123240007	Phạm Thị Ngọc Ánh	27/09/2003	CCQ2324A	1		6,9	4,6	5,5	
4	2123240026	Hứa Thị Bích	07/03/1999	CCQ2324A	1		7,6	5,9	6,6	
5	2123240052	Huỳnh Ngọc Minh Châu	02/10/2005	CCQ2324B	1		6,3	3,2	4,4	
6	2123240021	Phan Hoàng Châu	11/05/2004	CCQ2324A	1		8,7	7,2	7,8	
7	2123240009	Bá Thị Mỹ Dáng	16/08/2000	CCQ2324A	1		9,3	7,5	8,2	
8	2123240191	Nguyễn Thành Đạt	31/12/2004	CCQ2324A			0,0			
9	2123240025	Nguyễn Huỳnh Đức	25/09/2005	CCQ2324A	1		8,9	5,9	7,4	
10	2123240194	Trần Thùy Dung	04/10/2005	CCQ2324B	1		7,7	7,6	7,6	
11	2123240033	Ngô Huỳnh Phương Duy	17/09/2005	CCQ2324B	1		6,9	2,6	4,3	
12	2123240002	Trần Thị Trúc Hà	18/07/1995	CCQ2324A	1		7,0	7,5	7,3	
13	2123240048	Mai Trịnh Mỹ Hằng	30/04/2005	CCQ2324B	1		7,8	0,5	3,4	
14	2123240193	Nông Duy Hòa	19/03/2001	CCQ2324B			0,0			
15	2123240027	Đoàn Khắc Huy	26/10/2005	CCQ2324A	1		7,3	6,6	6,9	
16	2123240020	Phan Minh Huy	10/01/2004	CCQ2324A	1		7,7	4,9	6,0	
17	2123240161	Giáp Thị Thanh Huyền	06/12/2005	CCQ2324B	1		8,1	6,2	7,0	
18	2123240008	Đặng Ngọc Khải	04/12/2004	CCQ2324A	1		7,2	3,8	5,2	
19	2122240021	Đường Thúc Ly	11/12/2004	CCQ2224A	1		8,8	2,2	4,8	
20	2123240011	Trần Khánh Minh	18/05/2002	CCQ2324A	1		7,6	6,9	7,2	
21	2123240001	Bùi Trà My	12/10/2003	CCQ2324A	1		7,5	7,9	7,7	
22	2123240003	Châu Kim Ngân	26/03/2003	CCQ2324A	1		7,2	7,1	7,1	
23	2123240056	Phạm Thị Kim Ngân	29/03/2005	CCQ2324B	1		6,9	4,5	5,5	
24	2123240014	Trần Thị Kim Ngân	28/08/2005	CCQ2324A	1		8,9	7,4	8,0	
25	2123240040	Nguyễn Kim Ngọc	07/11/2005	CCQ2324B	1		8,0	6,9	7,3	

130

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

T. Hoàng

Môn học: Phiên dịch (22433502)

Ngày thi: 08/05/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 28.

Số bài thi:28.

Số tờ giấy thi: 28.

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123240067	Lương Thị Thúy	Ái	30/09/2005	CCQ2324C	1	8,7	7,8	8,2	
2	2122240163	Trần Bùi Việt	Anh	23/01/2004	CCQ2224E	1	7,2	2,3	4,3	
3	2123240083	Nguyễn Văn	Cường	12/10/2005	CCQ2324C	1	7,2	3,6	5,0	
4	2123240120	Nguyễn Quốc	Đạt	03/07/2003	CCQ2324D	1	8,9	8,2	8,5	
5	2123240077	Võ Minh	Diệt	01/02/2002	CCQ2324C	1	7,3	5,3	6,1	
6	2123240086	Đỗ Thị Thùy	Dương	17/03/2005	CCQ2324C	1	7,3	4,7	5,7	
7	2123240062	Nguyễn Thị Hương	Giang	30/09/2005	CCQ2324C	1	7,6	5,8	6,5	
8	2123240113	Hoàng Thị Hồng	Hà	25/04/2005	CCQ2324D		0,0			
9	2123240106	Quảng Nữ Hồng	Hà	03/03/2003	CCQ2324D	1	7,4	0,4	3,2	
10	2123240098	Lê Thị Mỹ	Hào	05/01/2005	CCQ2324D	1	7,7	4,5	4,0	
11	2123240112	Nguyễn Thị Thuý	Hương	08/05/2005	CCQ2324D	1	8,7	8,1	8,3	
12	2122240146	Trần Thu	Hương	20/08/2003	CCQ2224E	1	8,3	8,6	8,5	
13	2123240070	Trần Đức	Khánh	14/05/2001	CCQ2324C	1	7,7	6,2	6,8	
14	2123240200	Huỳnh Đăng	Khoa	21/01/1998	CCQ2324C		0,0			
15	2123240143	Nguyễn Đăng	Khôi	24/11/2005	CCQ2324D	1	8,1	3,5	5,3	
16	2123240065	Hoàng Nguyễn Ái	Liên	27/05/2005	CCQ2324C	1	9,3	3,6	5,9	
17	2123240104	Nguyễn Thị Kim	Liều	08/05/2005	CCQ2324D	1	6,6	3,5	4,7	
18	2123240076	Đinh Lê Khánh	Linh	30/04/2005	CCQ2324C	1	7,8	4,4	5,8	
19	2123240091	Phan Thị Ngọc	Linh	12/04/2005	CCQ2324C	1	7,9	5,0	6,2	
20	2123240080	Phạm Đào Uyên	Minh	24/08/2005	CCQ2324C	1	6,6	4,6	5,4	
21	2123240096	Trình Nguyễn Thuý	Mỹ	07/10/2003	CCQ2324D	1	9,5	7,1	8,1	
22	2123240075	Nguyễn Thanh	Ngân	15/03/2005	CCQ2324C	1	7,6	4,8	5,9	
23	2123240107	Trần Thị Kim	Ngân	10/02/2004	CCQ2324D	1	7,9	6,1	6,8	
24	2123240097	Trần Tuyết	Ngân	10/01/2003	CCQ2324D	1	8,5	2,5	4,9	
25	2123240099	Trương Thu	Ngân	24/06/2005	CCQ2324D	1	7,3	1,6	3,9	
26	2123240082	Tôn Nữ Gia	Nguyễn	01/04/2005	CCQ2324C	1	7,7	2,7	4,7	
27	2123240068	Đặng Thị Yến	Nhi	02/12/2005	CCQ2324C	1	7,8	4,2	5,6	
28	2123240124	Lâm Yến	Nhi	09/09/2001	CCQ2324D	1	8,0	7,7	7,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

130

T. Hoàng

Môn học: Phiên dịch (22433502)

Ngày thi: 08/05/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 28.

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: ... 28

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Nguyễn Văn Châu

Trần Thị

Phan Thị Thu

Nguyễn Thị Hoàng

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123240084	Nguyễn Tâm Như	01/07/2005	CCQ2324C	1	Như	7,5	3,9	5,3	
30	2123240069	Nguyễn Thị Bích Như	28/10/2005	CCQ2324C	1	Như	7,8	7,3	7,5	

131

C.Thư

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

H 43
D. 23

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Phiên dịch (22433503)

Ngày thi: 08/05/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 26

Số bài thi: 26

Số tờ giấy thi: 26

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123240172	Đàm Thị Mỹ	An	02/12/2005	CCQ2324F		7,4	6,5	6,9	
2	2123240165	Dương Nguyễn Khánh	An	26/11/2005	CCQ2324F		9,5	8,3	8,8	
3	2123240171	Nguyễn Thị	Ánh	04/01/2005	CCQ2324F		9,4	7,8	8,4	
4	2123240130	Đặng Lê Quốc	Bảo	22/08/2005	CCQ2324E		1,8			
5	2123240181	Nguyễn Hải	Đăng	04/02/2004	CCQ2324F		9,6	7,6	8,4	
6	2123240132	Nguyễn Phạm Hồ	Điệp	24/06/2005	CCQ2324E		5,1	4,4	4,7	
7	2123240169	Trần Châu	Đoan	16/08/2005	CCQ2324F		7,4	4,2	5,5	
8	2123240176	Đinh Thị Thùy	Dương	25/06/2005	CCQ2324F		9,8	8,3	8,9	
9	2123240154	Văn Gia	Hân	18/10/2005	CCQ2324E		9,9	7,9	8,7	
10	2123240188	Nguyễn Thị	Hiền	02/01/2004	CCQ2324F		8,5	6,0	7,0	
11	2123240134	Nguyễn Minh	Hiếu	24/08/2005	CCQ2324E		9,4	3,1	5,6	
12	2123240184	Phạm Huỳnh	Hoa	07/03/2002	CCQ2324F		8,7	6,8	7,6	
13	2123240131	Đặng Thị Thanh	Huệ	24/07/2005	CCQ2324E		8,6	5,8	6,9	
14	2122240164	Phạm Gia Kỳ	Hương	27/06/2004	CCQ2224E		7,1	5,4	6,1	
15	2123240140	Lê Gia	Huy	29/05/2005	CCQ2324E		5,6	3,8	4,5	
16	2123240167	Nguyễn Thị Xuân	Huỳnh	30/07/2005	CCQ2324F		8,0	2,7	4,8	
17	2123240138	Lê Thị Ý	Khuyên	06/09/2005	CCQ2324E		7,9	6,3	6,9	
18	2123240159	Đỗ Thị Thùy	Linh	22/11/2005	CCQ2324F		9,4	9,1	9,2	
19	2123240135	Nguyễn Đặng Phương	Linh	02/09/2005	CCQ2324E		8,4	6,4	7,2	
20	2123240144	Đào Nguyễn Thanh	Ly	12/05/2005	CCQ2324E		8,2	5,3	6,5	
21	2123240178	Huỳnh Kim	Ngân	02/04/2005	CCQ2324F		10,0	7,4	8,4	
22	2123240190	Nguyễn Bảo Gia	Ngân	11/06/2005	CCQ2324F		10,0	4,9	6,9	
23	2123240174	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	03/06/1999	CCQ2324F		9,0	4,9	6,5	
24	2123240137	Lê Nguyễn Thị Ngọc	Nghi	30/04/2005	CCQ2324E		5,3			
25	2123240160	Lê Như	Ngọc	05/08/2005	CCQ2324F		10,0	7,6	8,6	
26	2123240157	Võ Thị Như	Ngọc	10/07/2005	CCQ2324E		9,4	6,0	7,4	
27	2123240150	Võ Nguyễn Minh	Nhật	19/06/2005	CCQ2324E		8,0	6,0	6,8	
28	2123240170	Đặng Thị Yến	Nhi	19/10/2005	CCQ2324F		7,8	7,8	7,8	

Học kỳ 2 (2024-2025)

D. 24
fr. 04

132
C.Thy

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên ~~ch~~ấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Phòng thi: B104

Số tờ giấy thi: 2.

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123240189	Lê Thị Huỳnh	Như	13/08/2003	CCQ2324F		0,0			
2	2123240141	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	27/05/2004	CCQ2324E	1		8,6	5.5	6.7
3	2123240180	Bùi Thủy	Oanh	24/09/2005	CCQ2324E	1		7,3	5.1	6.0
4	2123240146	Vũ Thành	Phước	31/08/2005	CCQ2324E	1		8,2	8.7	8.5
5	2123240153	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	27/06/2005	CCQ2324E	1		10,0	8.3	9.0
6	2123240133	Nguyễn Như	Quỳnh	02/03/2005	CCQ2324E	1		8,1	5.8	6.7
7	2123240187	Nguyễn Thị	Quỳnh	24/11/2005	CCQ2324F	1		6,5	3.8	4.9
8	2123240151	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	10/11/2005	CCQ2324E	1		8,9	7.5	8.1
9	2123240148	Trần Nguyễn Ngọc	Quỳnh	21/06/2005	CCQ2324E	1		7,5	7.9	7.7
10	2123240149	Nguyễn Thị	Thắm	07/07/2005	CCQ2324E	1		8,1	5.4	6.5
11	2123240139	Trần Thị Phương	Thanh	04/02/2005	CCQ2324E	1		9,8	6.9	8.1
12	2123240158	Nguyễn Phước	Thành	08/08/2005	CCQ2324F	1		9,3	7.5	8.2
13	2123240183	Đỗ Nguyễn Phương	Thảo	09/10/2005	CCQ2324F	1		9,1	3.6	5.8
14	2123240179	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	18/12/2005	CCQ2324F	1		10,0	5.6	7.4
15	2123240168	Lê Nguyễn Duy	Thịnh	29/04/2005	CCQ2324F	1		4,0	2.6	3.2
16	2123240206	Thị	Thom	26/08/2002	CCQ2324F	1		7,8	4.5	5.8
17	2123240173	Lê Minh	Thư	03/12/2005	CCQ2324F	1		9,9	5.6	7.3
18	2123240142	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	09/02/2005	CCQ2324E	1		9,2	6.7	7.7
19	2123240185	Vũ Minh	Thư	16/08/2005	CCQ2324F	1		9,5	7.2	8.1
20	2123240155	Lê Thị Thanh	Thúy	29/07/2005	CCQ2324E	1		7,8	5.0	6.1
21	2123240128	Đoàn Văn	Tiến	13/04/2005	CCQ2324E	1		9,9	6.7	8.0
22	2123240205	Bùi Thị Ngọc	Trâm	15/09/2005	CCQ2324E	1		6,6	3.1	4.5
23	2123240126	Nguyễn Lê Tuyết	Trinh	23/09/2003	CCQ2324E	1		8,0	1.6	4.2
24	2123240129	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	05/06/2005	CCQ2324E	1		8,0	4.7	6.0
25	2123240156	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	16/11/2005	CCQ2324E	1		8,3	3.6	5.5
26	2123240182	Huỳnh Lê Tường	Vi	20/05/2005	CCQ2324F	1		10,0	9.1	9.5
27	2123240175	Nguyễn Thị Diễm	Vy	20/11/2005	CCQ2324F	1		8,7	4.7	6.3
28	2123240136	Phạm Nguyễn Khánh	Vy	15/03/2005	CCQ2324E	1		9,5	6.6	7.8

132

C.Thu

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Phiên dịch (22433503)

Ngày thi: 08/05/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 28

Số bài thi:28

Số tờ giấy thi: 28

Phạm Thị Kim

Đinh Thị Ngọc

Trần Thị Ngọc

Trần Thị Ngọc

Phan T. Du

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123240162	Nguyễn Thị Kim Xuyến	16/10/2003	CCQ2324F	1	Buluf	9,7	7,7	8,5	

133

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

T. Hoàng

Môn học: Phiên dịch (22433502)

Ngày thi: 08/05/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B105

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123240085	Phan Thị Huỳnh Như	19/04/2005	CCQ2324C			0,0			
2	2123240089	Nguyễn Ngọc Trinh	28/01/2005	CCQ2324C		Trinh	7,1	2,8	4,5	
3	2123240081	Vũ Thị Anh	29/08/2005	CCQ2324C		Anh	7,2	2,2	4,2	
4	2123240095	Huỳnh Thanh	01/11/2004	CCQ2324D		Thanh	7,6	3,2	5,0	
5	2123240115	Lưu Thị Quỳnh	20/09/2002	CCQ2324D		Quỳnh	7,6	5,4	6,3	
6	2123240122	Trần Văn Sáng	28/11/2005	CCQ2324D		Sang	9,0	7,6	8,2	
7	2123240093	Lý Thị Sua	18/06/2004	CCQ2324D		Sua	8,4	5,2	6,5	
8	2123240105	Lê Đình Thái	13/07/2003	CCQ2324D		Thái	6,8	5,8	6,2	
9	2123240094	Trần Nguyễn Nhật Tân	24/09/2004	CCQ2324D		Tan	9,0	7,0	7,8	
10	2123240121	Nguyễn Ngọc Anh Thư	26/11/2004	CCQ2324D		Anh	9,2	6,1	7,3	
11	2123240109	Nguyễn Thu Thủy	04/04/2005	CCQ2324D		Thủy	7,4	4,4	5,6	
12	2123240118	Lê Minh	16/09/2004	CCQ2324D		Minh	7,2	5,2	6,0	
13	2123240201	Lê Hữu Trác	02/04/1999	CCQ2324D		Trác	10,0	9,1	9,5	
14	2123240074	Nguyễn Quỳnh Lan	25/02/2005	CCQ2324C		Lan	7,4	4,1	5,4	
15	2123240102	Đặng Huỳnh Bảo	29/04/2005	CCQ2324D		Bảo	8,4	3,6	5,5	
16	2123240090	Đặng Thị Thu	18/06/2005	CCQ2324C		Thu	6,7	3,5	4,8	
17	2123240202	Lê Thị Thùy Trang	29/12/1999	CCQ2324E		Thùy	7,2	6,9	7,0	
18	2123240066	Phạm Thị Thùy Trang	17/08/2005	CCQ2324C			0,0			
19	2123240092	Phan Thị Hoài	29/01/2005	CCQ2324D		Hoài	7,4	3,3	4,9	
20	2123240088	Trần Nguyễn Kiều	25/06/2005	CCQ2324C		Kiều	8,1	2,3	4,6	
21	2123240197	Trần Văn Trung	22/09/2005	CCQ2324D		Trung	8,2	6,2	7,0	
22	2123240064	Nguyễn Huỳnh Đình Uy	09/11/2005	CCQ2324C		Uy	8,3	4,6	6,1	
23	2123240061	Võ Thị Lâm Thuý	03/07/2005	CCQ2324C		Thuý	7,1	3,1	4,7	
24	2123240073	Nguyễn Thị Cẩm Vi	06/07/2005	CCQ2324C		Vi	6,7	2,7	4,3	
25	2123240078	Lê Trần Quốc	17/05/2004	CCQ2324C			2,0			
26	2123240063	Đổng Quang	24/01/2005	CCQ2324C		Quang	7,5	7,2	7,3	
27	2123240103	Nguyễn Phong	23/03/2004	CCQ2324D		Phong	9,0	3,7	5,8	
28	2123240100	Trần Hiền Vy	19/05/2005	CCQ2324D		Vy	6,5	4,3	5,2	

133

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

T. Hoàng

Môn học: Phiên dịch (22433502)

Ngày thi: 08/05/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B105

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Ng. T. T. Hòa
Ng. T. T. Hòa

Ng. T. T. Hòa
Ng. T. T. Hòa

Ng. T. T. Hòa
Ng. T. T. Hòa

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123240116	Dương Thị Như Ý	04/10/2005	CCQ2324C			7,4	2,7	4,6	
30	2122240120	Trần Hải Yến	19/12/2004	CCQ2224E			7,4	5,2	6,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

T. Hoàng

Môn học: Phiên dịch (22433501)

Ngày thi: 08/05/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B106

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123240030	Nguyễn Ngọc Phương	Nguyên	02/11/2005	CCQ2324A		6,9	4,8	5,6	
2	2123240013	Hà Thị Ánh	Nguyệt	24/02/2003	CCQ2324A		6,9	7,2	7,1	
3	2123240045	Danh Hữu	Nhân	24/05/2005	CCQ2324B		7,9	6,6	7,1	
4	2123240005	Huỳnh Lương Khánh	Nhi	07/06/2003	CCQ2324A		7,4	7,6	7,5	
5	2123240031	Lý Thị Bích	Nhi	27/07/2005	CCQ2324B		7,8	5,2	6,2	
6	2123240004	Nguyễn Thị Yến	Nhi	24/11/2003	CCQ2324A		7,7	3,7	5,3	
7	2123240032	Lê Thị Tố	Như	10/07/2005	CCQ2324B		8,9	5,8	7,0	
8	2123240037	Hà Thị Thuý	Tân	25/07/2005	CCQ2324B		8,1	6,1	6,9	
9	2123240006	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	14/09/2003	CCQ2324A		9,4	9,4	9,4	
10	2123240046	Nguyễn Hữu	Thành	25/01/2005	CCQ2324B		7,0	5,7	6,2	
11	2123240024	Lê Vũ Phương	Thảo	20/10/2005	CCQ2324A		7,4	5,2	6,1	
12	2123240012	Nguyễn Thị Ngọc	Thi	22/02/2004	CCQ2324A		8,8	7,7	8,1	
13	2123240050	Võ Ngọc Anh	Thi	13/11/2005	CCQ2324B		6,7	4,5	3,6	
14	2123240017	Hà Minh	Thư	02/02/2005	CCQ2324A		8,1	5,9	6,8	
15	2123240018	Huỳnh Thị Anh	Thư	29/10/2005	CCQ2324A		6,2	2,7	4,1	
16	2123240047	Lê Thị Hoài	Thương	28/07/2005	CCQ2324B		7,1	2,2	4,2	
17	2123240019	Vũ Thị	Thương	01/12/2005	CCQ2324A		6,4	3,5	4,7	
18	2123240053	Huỳnh Thị Thu	Thúy	30/08/2005	CCQ2324B		8,3	3,7	5,5	
19	2123240051	Nguyễn Thị Chung	Thúy	10/10/2005	CCQ2324B		6,8	4,0	3,3	
20	2123240054	Phạm Thị Thùý	Trang	20/09/2005	CCQ2324B		7,2	2,6	4,4	
21	2123240034	Nguyễn Bảo	Trang	10/01/2004	CCQ2324B		0,0			
22	2123240058	Nguyễn Vũ	Trường	30/04/1999	CCQ2324B		6,9	7,1	7,0	
23	2123240036	Hồ Lê Mỹ	Uyên	09/05/2005	CCQ2324B		6,7	4,8	3,8	
24	2123240049	Đoàn Thị Bích	Vân	19/03/2005	CCQ2324B		7,0	2,4	4,2	
25	2123240028	Trương Thị Hà	Vy	14/10/2005	CCQ2324A		6,4	2,6	4,1	